

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng
công trình cải tạo, nâng cấp ĐH.64, huyện Ân Thi**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HUNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 năm 2014;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: Số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình; số 06/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 hướng dẫn xác định và quản lý chi phí xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 19/2018/QĐ-UBND ngày 18/5/2018 của UBND tỉnh ban hành Quy định phân cấp và phân công nhiệm vụ trong quản lý dự án đầu tư xây dựng, quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: Số 2741/QĐ-UBND ngày 18/10/2017; số 2576/QĐ-UBND ngày 19/10/2018 về việc phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh Dự án đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp ĐH.64, huyện Ân Thi;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 2131/TTr-SGTVT ngày 24/10/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình Cải tạo, nâng cấp ĐH.64, huyện Ân Thi với nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên công trình: Cải tạo, nâng cấp ĐH.64, huyện Ân Thi.
2. Thuộc dự án: Đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp ĐH.64, huyện Ân Thi.
3. Loại, cấp công trình:
 - Loại công trình: Công trình giao thông;
 - Cấp công trình: Công trình cấp III.
4. Địa điểm xây dựng: Huyện Ân Thi.

5. Nhà thầu lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng: Trung tâm Tư vấn giao thông vận tải.

6. Chủ trì dự án: Kỹ sư Nguyễn Thành Trung.

7. Quy mô, chỉ tiêu kỹ thuật và giải pháp thiết kế chủ yếu của công trình:

7.1. Quy mô đầu tư:

- Chiều rộng mặt đường BTXM 7m (trong đó mặt đường BTXM hiện có giữ nguyên);

- Tải trọng trục tiêu chuẩn tính toán 9,5T;

- Kết cấu mặt đường: Mặt đường BTXM;

- Chiều dài tuyến thiết kế: $L = 3.744\text{m}$.

7.2. Giải pháp thiết kế chủ yếu của công trình:

7.2.1. Thiết kế nền, mặt đường:

a) Bình đồ tuyến: Hướng tuyến đi theo đường cũ. Điểm đầu Km0+00 tại cống Bác Hồ thuộc địa phận xã Hạ Lễ, điểm cuối Km3+744 giáp thôn Ba Đông, xã Phan Sào Nam, huyện Phù Cừ; chiều dài tuyến đường $L = 3.744\text{m}$.

b) Trắc dọc tuyến: Trên cơ sở hiện trạng đường cũ, thiết kế cao độ đảm bảo chiều dày kết cấu, phù hợp với địa hình xung quanh và êm thuận trên toàn tuyến.

c) Trắc ngang tuyến:

- Chiều rộng mặt đường $B_{\text{mặt}} = 7,0\text{m}$, trong đó mặt đường BTXM hiện có giữ nguyên, mặt đường BTXM mở rộng có độ dốc ngang $i_{\text{mặt}} = 2\%$;

- Chiều rộng lề đường $B_{\text{lề}} = 2 \times 1,0\text{m} = 2,0\text{m}$, độ dốc ngang $i_{\text{lề}} = 4\%$;

- Chiều rộng nền đường $B_{\text{nền}} = 9,0\text{m}$; độ dốc mái ta luy đắp 1:1,50.

d) Kết cấu áo đường (theo thứ tự từ trên xuống dưới):

- Trên đường cũ: Giữ nguyên mặt đường hiện có, sửa chữa các tấm BTXM bị hư hỏng (nếu có).

- Trên phần mở rộng: Tương đương với kết cấu áo đường của đường BTXM hiện có:

+ Lớp mặt đường BTXM M250 dày 22cm, độ dốc ngang $i = 2\%$;

+ Lớp cát vàng tạo phẳng dày 3cm;

+ Lớp móng trên cấp phối đá dăm loại 1 dày 15cm;

+ Lớp móng dưới cấp phối đá dăm loại 2 dày 15cm;

- Phạm vi nút giao với ĐT.376: Kết cấu áo đường như kết cấu áo đường trên phần mở rộng.

e) Nền đường:

- Nền đường mở rộng đắp bằng cát đầm chặt $\geq K95$. Lớp tiếp giáp với kết cấu áo đường bằng cát đầm chặt $\geq K98$, chiều dày 50cm;

- Lề đường và mái ta luy nền đường đắp đất đầm chặt $\geq K90$, độ dốc mái ta luy nền đắp 1:1,5;

- Xây đá hộc gia cố mái taluy những đoạn lún ao sâu dọc hai bên tuyến để ổn định nền đường và hạn chế GPMB. Bên trái tuyến khoảng 605,5m, bên phải tuyến khoảng 147m. Mái xây bằng đá hộc vữa XMCV M100 dày 30cm với độ dốc

mái 1:1; lớp đá dăm đệm móng và mái dày 10cm. Đóng cọc tre gia cố móng chân khay với mật độ 25 cọc/1m², chiều dài 2,5m, đường kính d = 6cm - 8cm.

f) Các điểm giao cắt và vượt nổi ngang:

- Nút giao với ĐT.376: Thiết kế mở rộng nút giao và bố trí đảo dẫn hướng bằng block thép di động và làn rẽ phải. Trên ĐH.64 lắp đặt gờ giảm tốc để đảm bảo an toàn giao thông khi qua nút giao.

- Các điểm giao cắt và đường ngang khác: Thiết kế êm thuận và phù hợp với hiện trạng để đảm bảo an toàn giao thông.

7.2.2. Các công trình trên tuyến:

a) Hệ thống thoát nước:

- Thoát nước dọc: Xây dựng rãnh thoát nước dọc đoạn qua khu dân cư, bên trái tuyến khoảng 2.114m, bên phải tuyến khoảng 2.739m. Kết cấu: Chiều rộng lòng rãnh B = 40cm, thân rãnh bằng BTCT đúc sẵn M250 lắp ghép dày 10cm đặt trên lớp đá dăm 2x4 đệm dày 15cm, nắp rãnh bằng BTCT đúc sẵn M250 dày 15cm. Hồ ga: Khoảng cách trung bình 30m đến 50m 1 hồ, móng hồ ga bằng BTXM đổ tại chỗ M150 dày 15cm trên lớp đệm đá dăm 2x4 dày 10cm, thân ga xây gạch không nung vữa XMCV M75 dày 33cm, xà mũ bằng BTXM đổ tại chỗ M200, tấm đan nắp ga bằng BTCT đúc sẵn M250 dày 15cm.

- Thoát nước ngang: Xây dựng mới 01 cống tròn D800 tại Km0+925; 05 cống tròn đơn D1500 tại Km0+107,82, Km1+240,56, Km2+010,64, Km2+814,29 và 02 cống tròn đôi D1500 tại Km0+468,72, Km3+271,86; nổi dài cống hộp cũ BxH = (1x1)m tại nút giao với ĐT.376. Giải pháp kết cấu: Cống tròn bằng BTCT đúc sẵn tải trọng C, khối móng cống bằng BTCT đúc sẵn M200; tường đầu và hèm phai bằng BTXM đổ tại chỗ M200 đá 1x2; móng chân khay, sân cống bằng BTXM đổ tại chỗ M150 đá 2x4, đóng cọc tre gia cố móng mật độ 25 cọc/1m², chiều dài 2,5m, đường kính d = 6cm - 8cm. Cống hộp BxH = (1x1)m bằng BTCT đúc sẵn M300; móng và sân cống bằng BTXM đổ tại chỗ M150 đá 2x4; tường đầu, tường cánh, hèm phai bằng BTXM đổ tại chỗ M200 đá 1x2; đóng cọc tre gia cố móng cống mật độ 25 cọc/m², chiều dài cọc 2,5m, đường kính d = 6cm - 8cm.

b) Hệ thống báo hiệu đường bộ:

- Cọc tiêu, cọc H, cột KM bằng BTCT M200 đá 1x2, cọc tiêu có kích thước ngang (15x15)cm, cọc H (20x20)cm, thân sơn trắng, đầu sơn đỏ; móng bằng BTXM đổ tại chỗ M150 đá 2x4.

- Biển báo kích thước 90 được dán màng phản quang; cột biển báo D89 sơn trắng, đỏ; móng bằng BTXM đổ tại chỗ M150 đá 2x4.

- Lắp đặt gương cầu lồi đường kính D1000 tại vị trí lưng đường cong P31 Km2+339,22 và P33 Km2+447,17 để đảm bảo tầm nhìn cho các phương tiện tham gia giao thông qua đoạn tuyến.

- Thiết kế lắp đặt tôn hộ lan tại cống C5 Km2+120, nút giao ĐT.376, đoạn qua UBND xã, Nghĩa trang và Trạm y tế xã Hạ Lễ. Chiều dài tôn hộ lan khoảng 287m.

- Quy cách hệ thống báo hiệu theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2016/BGTVT;

8. Giá trị dự toán xây dựng công trình : 35.789.971.000 đồng

Trong đó:

- Chi phí xây dựng : 28.336.701.000 đồng
- Chi phí quản lý dự án : 628.560.000 đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng : 1.688.561.000 đồng
- Chi phí khác : 1.882.515.000 đồng
- Chi phí dự phòng : 3.253.634.000 đồng

9. Nguồn vốn đầu tư:

- Ngân sách tỉnh: 70%;
- Ngân sách huyện Ân Thi: 30%.

10. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư quản lý dự án theo quy định.

11. Thời gian thực hiện: Năm 2018 - 2020.

Điều 2. Chủ đầu tư và các sở, ngành liên quan tổ chức thực hiện Thiết kế bản vẽ thi công và dự toán đầu tư xây dựng công trình theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước và của tỉnh về quản lý đầu tư xây dựng.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải, Kho bạc Nhà nước Hưng Yên, Chủ tịch UBND huyện Ân Thi và thủ trưởng các cơ quan liên quan căn cứ Quyết định thi hành././

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTI.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Bùi Thế Cử